

Số: 2139/QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Số hóa dữ liệu lễ hội tại Việt Nam”
giai đoạn 2021 - 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Văn hóa cơ sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Số hóa dữ liệu lễ hội tại Việt Nam” giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Giao Cục Văn hóa cơ sở chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề án được trích từ nguồn ngân sách sự nghiệp Văn hóa thông tin của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp hàng năm cho Cục Văn hóa cơ sở.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Cục trưởng Cục Văn hóa cơ sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, VHCS (NSVH), QH.(80).



Trịnh Thị Thủy

ĐỀ ÁN

“Số hóa dữ liệu lễ hội tại Việt Nam” giai đoạn 2021 - 2025

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 7 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội;
- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội;
- Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Thông tư số 04/2014/TT-BNV ngày 23 tháng 06 năm 2014 của Bộ Nội Vụ về việc quy định định mức kinh tế-kỹ thuật tạo lập cơ sở dữ liệu lưu trữ;
- Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về lập đề cương và dự toán chi

tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Định mức chi phí quản lý Kế hoạch, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và truyền thông công bố định mức chi phí quản lý Kế hoạch, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;

- Quyết định số 4796/QĐ-BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phiên bản 1.0;

- Quyết định số 4225/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Ngày nay, những thành tựu công nghệ thông tin đã có sự tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội. Internet đã kết nối các mạng máy tính với nhau trên phạm vi toàn cầu đã tạo ra khả năng chia sẻ thông tin ở một phạm vi rất lớn. Sự hình thành của mô hình Chính phủ điện tử dẫn tới sự ra đời của tài liệu điện tử (một loại hình tài liệu lưu trữ mới) đã tác động đến công tác lưu trữ và yêu cầu số hóa tài liệu (chuyển tài liệu từ dạng analog (truyền thống) sang tài liệu dạng digital (số)) nhằm nâng cao tuổi thọ tài liệu gốc và phục vụ nhanh chóng, kịp thời yêu cầu tra cứu tài liệu lưu trữ mọi lúc, mọi nơi.

Trong những năm qua, các tài liệu lưu trữ đã được nhiều cơ quan, tổ chức ở các tỉnh, thành phố trong cả nước cũng như ở Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành số hóa tài liệu lưu trữ để bảo quản, khai thác và sử dụng.

Lễ hội là một loại hình di sản văn hoá phi vật thể tồn tại ở Việt Nam từ lâu đời, có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, là sinh hoạt văn hoá gắn bó

mật thiết với đời sống của cộng đồng. Những năm gần đây, đất nước ta thực hiện phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Trong xu thế này, các hoạt động văn hóa truyền thống trong đó có lễ hội đã được phục hồi, phát huy góp phần bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc. Lễ hội đã góp phần sáng tạo những giá trị văn hóa mới làm giàu cho kho tàng văn hóa Việt Nam cần được bảo tồn vì lợi ích của toàn xã hội. Các lễ hội được diễn ra trang trọng, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, với nhiều hoạt động văn hóa, thể thao và các trò chơi dân gian đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân, góp phần giáo dục truyền thống tốt đẹp của lễ hội; tôn vinh công lao của các bậc tiền nhân, nhân vật lịch sử, những người có nhiều đóng góp trong quá trình hình thành phát triển đất nước và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Thông qua các lễ hội, bản sắc văn hoá dân tộc được giữ gìn và phát huy, tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân được đảm bảo, khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố, không khí dân chủ trong xã hội được tăng lên, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Lễ hội truyền thống (bao gồm cả lễ hội tại các di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội dân gian); Lễ hội văn hóa; Lễ hội ngành nghề và Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài là những loại hình lễ hội đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Việc số hóa lễ hội tại Việt Nam sẽ phục vụ hiệu quả công tác tra cứu tư liệu, tuyên truyền, giới thiệu giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc ở Việt Nam. Đối với các lễ hội tại Việt Nam, hiện nay chưa có một Đề án nào ứng dụng công nghệ thông tin về số hóa nên việc quản lý và khai thác tài liệu về lễ hội gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý cũng như khai thác, sử dụng tài liệu phục vụ nhu cầu của các tổ chức và cá nhân. Việc xây dựng Đề án “Số hóa dữ liệu lễ hội tại Việt Nam” giai đoạn 2021-2025 là cần thiết để quản lý, thống nhất chuyên môn hóa về nghiệp vụ lưu trữ trong lĩnh vực lễ hội.

II. YÊU CẦU, MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Yêu cầu của Đề án

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu giữ thông tin phải được thực hiện theo đúng quy định của phương án điều tra. Bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác, kịp thời, không trùng lặp, không bỏ sót các thông tin quy định trong phương án điều tra. Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.

- Dữ liệu được số hóa đảm bảo tính xác thực của thông tin hệ thống số liệu và nội dung do các địa phương cung cấp, thống nhất quản lý trong hệ thống

cơ sở dữ liệu; tuân thủ các quy trình, kỹ thuật, hệ thống hóa cơ sở dữ liệu theo quy định.

- Cổng thông tin về Lễ hội Việt Nam đảm bảo thân thiện, dễ sử dụng, hài hòa về bố cục, tính năng tốc độ truy cập nhanh, phục vụ tối đa nhu cầu của người truy cập và đảm bảo chế độ bảo mật thông tin.

- Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đảm bảo tốt công tác khai thác an toàn, đảm bảo tính bảo mật cho hệ thống cơ sở dữ liệu.

- Trang thiết bị phục vụ công tác số hóa cơ sở dữ liệu; quản lý cơ sở dữ liệu phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, sử dụng hiệu quả trong công tác quản lý và khai thác thông tin.

2. Mục tiêu chung

- Thu thập các thông tin cơ bản nhằm rà soát, đánh giá thực trạng lễ hội ở nước ta phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội Việt Nam.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động lễ hội. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương và người dân trong hoạt động lễ hội.

- Hệ thống hóa cơ sở dữ liệu trong quản lý hoạt động lễ hội và khai thác cung cấp thông tin nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm thời gian; góp phần cải cách hành chính, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động lễ hội.

- Chuyển đổi phương thức quản lý dữ liệu lưu trữ truyền thống sang quản lý, lưu trữ điện tử nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hoạt động lễ hội truyền thống.

3. Mục tiêu cụ thể

- 100% dữ liệu các loại hình lễ hội truyền thống được số hóa.

- Dữ liệu được số hóa đảm bảo chất lượng, sử dụng hiệu quả trong công tác quản lý và cập nhật bổ sung định kỳ các loại hình lễ hội truyền thống.

- Hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin quản lý các loại hình lễ hội truyền thống, đảm bảo sử dụng hiệu quả.

- Đầu tư hoàn thiện trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và Cổng thông tin về Lễ hội truyền thống Việt Nam.

4. Phạm vi áp dụng

Xây dựng cơ sở dữ liệu các loại hình lễ hội tại Việt Nam

- Lễ hội truyền thống.

- Lễ hội văn hóa.
- Lễ hội ngành nghề.
- Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài.

5. Quy mô Đề án

Xây dựng cơ sở dữ liệu các loại hình lễ hội tại Việt Nam đối với:

- Lễ hội đăng ký hoặc thông báo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Lễ hội đăng ký hoặc thông báo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Lễ hội đăng ký hoặc thông báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Lễ hội đăng ký hoặc thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Điều tra, thống kê các loại hình lễ hội tại Việt Nam

1.1. Xây dựng phương án, lập phiếu và tổ chức điều tra khảo sát phân loại các loại hình lễ hội

- + Xây dựng phương án và lập biểu thống kê các loại hình lễ hội tại Việt Nam.
- + Công bố Biểu Thống kê số liệu các loại hình lễ hội tại Việt Nam.
- + Điều tra khảo sát tại địa phương, thu thập thông tin, tư liệu viết, hình ảnh và tổng hợp kết quả điều tra khảo sát, phân loại các loại hình lễ hội.
- + Tổ chức hội thảo, tọa đàm... phân tích, đánh giá số liệu thu thập.

1.2. Xử lý kết quả điều tra khảo sát, tổng hợp, báo cáo kết quả điều tra thống kê

- + Xử lý thông tin phiếu điều tra.
- + Tổng hợp, báo cáo kết quả phiếu điều tra.

2. Số hóa, chuẩn hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về lễ hội

- Giai đoạn 1: Số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về lễ hội truyền thống.
Số lượng lễ hội truyền thống tính đến 31/12/2020: 8.274 lễ hội.
- Giai đoạn 2: Số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề và lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài.
Số lượng lễ hội văn hóa tính đến 31/12/2020: 297 lễ hội.
Số lượng lễ hội ngành nghề tính đến 31/12/2020: 18 lễ hội.
Số lượng lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài tính đến 31/12/2020: 09 lễ hội.

3. Xây dựng, vận hành Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu nhập số liệu điều tra, Cổng thông tin về Lễ hội Việt Nam và bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ việc nhập liệu, xử lý, tổng hợp và khai thác cơ sở dữ liệu

3.1. Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về lễ hội Việt Nam, cho phép lưu trữ, quản lý, khai thác và báo cáo từ các nguồn dữ liệu số hóa và điều tra thống kê, đảm bảo việc tra cứu thuận tiện đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước về lễ hội, có khả năng tích hợp, chia sẻ và kết nối với các cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hệ thống đảm bảo an toàn dữ liệu.

3.2. Xây dựng Cổng thông tin lễ hội Việt Nam: Từ cơ sở dữ liệu quản lý trên phần mềm, sẽ được đẩy lên Cổng thông tin lễ hội Việt Nam (đầu tư xây dựng đồng thời cùng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu), kết nối Internet phục vụ nhu cầu tra cứu và sử dụng của bạn đọc và quảng bá về giá trị văn hóa của lễ hội Việt Nam.

3.3 Đầu tư mua sắm các trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác số hóa tài liệu, gồm: máy vi tính để bàn (lưu trữ dữ liệu), máy quét (Scan), máy in...

3.4. Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với việc cài đặt và vận hành Cổng thông tin và phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về lễ hội Việt Nam kết nối Internet, đảm bảo vận hành 24/7.

5. Đào tạo tập huấn khai thác sử dụng phần mềm

Từ nguồn cơ sở dữ liệu điều tra thống kê cập nhật vào hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu lễ hội Việt Nam, ngoài các trường dữ liệu cơ bản không thay đổi so với nguyên gốc, các trường dữ liệu mang tính cập nhật xây dựng báo cáo thống kê để phục vụ công tác quản lý nhà nước về lễ hội của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ được đưa vào chương trình tập huấn đối với các đơn vị có trách nhiệm báo cáo theo quy định.

6. Duy trì, vận hành hàng năm

- Thuê dịch vụ duy trì, giám sát và đảm bảo an toàn thông tin cho Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và Cổng thông tin về Lễ hội Việt Nam.

- Thuê dịch vụ quản trị, vận hành, hỗ trợ sử dụng Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và Cổng thông tin về Lễ hội Việt Nam.

IV. DỰ TOÁN

1. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Đề án được trích từ nguồn ngân sách sự nghiệp Văn hóa thông tin cấp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp hàng năm cho Cục Văn hóa cơ sở.

2. Tiến độ, thời gian thực hiện

Đề án được triển khai thực hiện trong thời gian 05 năm, chia làm 02 giai đoạn:

STT	Thời gian	Nội dung
I	Giai đoạn I (2021-2022)	
1.	Năm 2021	<p>Điều tra, thống kê các loại hình lễ hội tại Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phương án, lập phiếu và tổ chức điều tra khảo sát phân loại các loại hình lễ hội - Xử lý kết quả điều tra khảo sát, tổng hợp, báo cáo kết quả điều tra thống kê
2.	Năm 2022	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin - Số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về lễ hội truyền thống - Xây dựng Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và Cổng thông tin về Lễ hội Việt Nam
II	Giai đoạn II (2023-2025)	
1.	Năm 2023	<ul style="list-style-type: none"> - Số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu về lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề và lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài. - Hoàn thiện phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và Cổng thông tin về Lễ hội Việt Nam
2.	Năm 2024-2025	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo tập huấn khai thác sử dụng phần mềm - Duy trì, vận hành

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Văn hóa cơ sở

- Xây dựng phương án, lập phiếu và tổ chức điều tra khảo sát phân loại các loại hình lễ hội. Xử lý kết quả điều tra khảo sát, tổng hợp, báo cáo kết quả điều tra thống kê. Tiếp tục cập nhật, bổ sung các thông tin về quản lý và tổ chức lễ hội sau khi Đề án được hoàn thiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Đề án theo đúng tiến độ.

- Tổng hợp báo cáo sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Đề án.

- Đề xuất Lãnh đạo Bộ giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin

Phối hợp với Cục Văn hóa cơ sở thực hiện:

- Số hóa dữ liệu các lễ hội tại Việt Nam.
- Xây dựng Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và Công nghệ thông tin về Lễ hội Việt Nam.
- Đào tạo tập huấn khai thác sử dụng phần mềm.
- Duy trì, vận hành phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và Công nghệ thông tin về Lễ hội Việt Nam.

3. Cục Di sản văn hóa

Phối hợp với Cục Văn hóa cơ sở cung cấp danh mục và thông tin các lễ hội các lễ hội truyền thống tại Việt Nam đã được đưa vào danh mục Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia.

4. Thư viện Quốc gia Việt Nam

Phối hợp với Cục Văn hóa cơ sở cung cấp thông tin liên quan đến các lễ hội tại Việt Nam.

5. Vụ Kế hoạch, Tài chính

Tổng hợp, thẩm định dự toán và bố trí kinh phí triển khai thực hiện các nội dung được giao nhiệm vụ trong Đề án.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Phối hợp với Cục Văn hóa cơ sở:

- Cung cấp dữ liệu, số liệu điều tra thống kê các loại hình lễ hội truyền thống của địa phương đảm bảo theo yêu cầu.
- Hàng năm cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu lễ hội của địa phương.
- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân thực hiện tra cứu các số liệu về lễ hội tại Công nghệ thông tin về Lễ hội Việt Nam, thực hiện biện pháp quản lý nhà nước về hoạt động lễ hội trong ứng dụng công nghệ thông tin.

VI. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

1. Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, khi có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị trao đổi với Cục Văn hóa cơ sở để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

2. Một số nội dung Đề án này có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay đổi tùy tình hình thực tiễn và những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động, tích cực triển khai kịp tiến độ, đồng thời đề xuất, báo cáo Lãnh đạo Bộ các nội dung mới, phát sinh./.